

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HS-ST

Ngày 24 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dinh

Bà Hg Cúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2020/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/HSST-QĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cứ A D** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1958, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cứ Sống M - Đã chết và bà Hạng Thị M - Đã chết; Vợ Hù Thị S - Sinh năm: 1958; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm: 1997;

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 16/6/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 20 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự và miễn án phí cho bị cáo (tại Bản án HSST số 149/2017/HSST). Ngày 23/7/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 19/3/2020 bị cáo phạm tội nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 19/3/2020, bị tạm giam từ ngày 21/3/2020 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Lò Văn X - Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Bản B, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Huy H - Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành

phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

* *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Vừ A T - Sinh năm: 1987; Nơi ĐKKHKT: Xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Dẫn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 45 phút, ngày 19/03/2020, Cừ A D đang ăn cơm trong bếp nhà mình ở Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thì có Lò Văn X và Nguyễn Huy H đến. X đặt vấn đề mua Heroine và đưa cho D 200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng), D nhận tiền của X, ngay lúc đó H cũng nói với D là bán cho 200.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) heroine và đưa tiền cho D. D cất 400.000 đồng vào túi vải màu đen đang đeo trước bụng rồi đi ra cửa bếp lấy trong túi vải màu đen đang đeo trước bụng ra một gói nilon màu xanh, bên trong có một gói heroine được gói ngoài bằng nilon màu hồng, bị cáo chia làm hai rồi quay lại đưa cho X. H hỏi bị cáo cho sử dụng ma túy tại nhà bị cáo, bị cáo đồng ý và bảo H, X lên nhà trên, H hỏi có giấy bạc không, D bảo không có. Sau đó H, X đi lên nhà trên ngồi ở ghế gỗ giữa nhà, D lấy vỏ hộp sữa cho vào bếp đốt lấy giấy bạc cầm lên cho X và H, rồi đi xuống bếp. H và X dùng giấy bạc, bật lửa và cùng hít heroine vừa mua của D. Sau khi H, X sử dụng heroine xong, thì tổ công tác công an thành phố Điện Biên phát hiện. Bị cáo D tự giác lấy trong túi vải màu đen đang đeo trước bụng hai tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng giao nộp cho tổ công tác, bị cáo D khai nhận đó là số tiền mà bị cáo vừa bán heroine cho H, X mà có. Bị cáo D khai nguồn gốc số ma túy mà bị cáo bán cho X, H là do khoảng 12 giờ ngày 18/3/2020, bị cáo mua của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết tại bản Lọng Luông 2, xã Mường Phăng với giá 500.000 đồng, sau khi mua bị cáo đã sử dụng ba lần heroine, số còn lại bị cáo bán cho X và H.

Tại Bản cáo trạng số: 65/CT- VKSTPĐBP ngày 21/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Cừ A D về hai tội, tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên rút một phần quyết định truy tố về tình tiết định khung “Phạm tội hai lần trở lên”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 14 năm đến 15 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản có giá trị, bị cáo có tài sản duy nhất là ngôi nhà bằng gỗ là tài sản chung của gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga, 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh giấy bạc; 01 chiếc túi vải màu đen có dây đeo và khóa kéo. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 400.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy mà có.

Đối với một giấy chứng minh nhân dân số: 040115736 mang tên cứ A D do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 11/4/2019. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại chứng minh nhân dân của cơ quan cảnh sát điều tra.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với lời luận tội của đại Dện viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung xử lý vật chứng, án phí. Tuy nhiên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự “người phạm tội tự thú” đối với bị cáo vì khi cơ quan công an kiểm tra nhà Cú A D, lúc đó H, X đã sử dụng xong ma túy, D đã từ bếp lên nhà trên, tự nguyện giao nộp 400.000 đồng và khai ra hành vi bán ma túy và cho H, X sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của H, X là căn cứ để cơ quan công an khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối bị cáo.

Đại Dện Viện kiểm sát đối đáp lại với người bào chữa: Việc người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú là không có căn cứ, bởi vì tự thú là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội, nhưng đối với vụ án này Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang X và H vừa sử dụng xong ma túy tại nhà bị cáo, X và H đã khai với Cơ quan Công an việc mua ma túy của bị cáo và việc bị cáo cho họ sử dụng ma túy tại nhà bị cáo, nên không thuộc trường hợp người phạm tội tự thú.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn X và ông Nguyễn Huy H đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc đại Dện viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố: Tại phiên tòa, Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên rút một phần

quyết định truy tố đối với tình tiết định khung “Phạm tội hai lần trở lên”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 19/3/2020, X và H rủ nhau, cùng vào nhà bị cáo D thuộc Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đặt vấn đề mua mỗi người 200.000 đồng heroine để sử dụng, bị cáo đồng ý. D nhận tiền của X và H và cất 400.000 đồng (tiền bán ma túy) vào túi vải màu đen đang đeo trước bụng rồi đi ra cửa bếp lấy trong túi vải màu đen đang đeo trước bụng ra một gói nilon màu xanh, bên trong có một gói heroine được gói ngoài bằng nilon màu hồng, bị cáo chia làm hai rồi quay lại đưa cho X. X nhận heroine từ bị cáo D, thì H hỏi bị cáo cho sử dụng ma túy tại nhà, bị cáo đồng ý và bảo X, H lên trên nhà. H, X đã cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của D. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự. Căn cứ hành vi của bị cáo và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ rút một phần truy tố về tình tiết “Phạm tội hai lần trở lên”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho hai người là X, H sau đó cho H, X sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bị cáo. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội rất lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 16/6/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 20 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và miễn án phí cho bị cáo (tại Bản án HSST số 149/2017/HSST). Ngày 23/7/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến ngày 19/3/2020, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của

mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy rằng:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của hai tội từ 14 năm đến 15 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của đại Dện Viện kiểm sát. Ngoài ra người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự “người phạm tội tự thú” đối với bị cáo. HĐXX thấy rằng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định “Tự thú” là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện. Hành vi của bị cáo đã bị cơ quan công an phát hiện và H, X đã biết về hành vi phạm tội của bị cáo trước khi bị cáo tự nguyện giao nộp tiền và khai ra hành vi của mình. Do đó, việc tự nguyện giao nộp tiền bán ma túy mà có và tự nguyện khai ra hành vi phạm tội của mình của bị cáo không được coi là tự thú, chính vì vậy HĐXX không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251; khoản 3 Điều 256 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo làm ruộng, cả gia đình bị cáo có tài sản chung duy nhất là ngôi nhà gỗ lợp ngói là chỗ ở cho cả gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[10] Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Bị cáo khai bị cáo mua ma túy của một người đàn ông nhưng không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở xem xét, giải quyết; các thành viên trong gia đình bị cáo không ai biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; ông H, ông X là người mua ma túy của bị cáo và sử dụng ma túy tại nhà bị cáo, cơ quan công an đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[11] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: Hai mảnh giấy bạc; 02 mảnh nilon màu hồng; 01 chiếc bật lửa gas; 01 chiếc túi vải màu đen do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 VNĐ do bị cáo phạm tội mà có.

Đối với giấy chứng minh nhân dân số: 040115736 mang tên cứ A D do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 11/4/2019, là của bị cáo D, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho chủ sở hữu bị cáo Cứ A D (bị cáo ủy quyền cho con trai là Cứ A Tiên nhận hộ) là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 09/7/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ và anh Cứ A Tiên)

[12]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Cứ A D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo: 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chịu 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 19/3/2020).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 02 mảnh giấy bạc; 02 mảnh nilon màu hồng; 01 chiếc bật lửa gas; 01 chiếc túi vải màu đen có dây đeo và khóa kéo.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/8/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

